



Tiếp nối dòng chảy phồn vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC

Mã số: BM02-QT09

Lần ban hành: 05

Ngày hiệu lực: 01/8/2026

Trang: 1/1

Số: 871 /KQTN-2026

Tây Ninh, ngày 15 tháng 10 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử (Name of sample):

Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại TCN Bến Lức Ấp Bến Lức 3 - xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh
- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer):

Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức - Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh
- Mô tả mẫu (Description):

Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.
- Ngày nhận mẫu (Date of receiving):

05/10/2026
- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking/Sample submitter):

Nguyễn Ngọc Minh
- Số phiếu YC (Number of questionnaire):

321

MSM: 261005.35



Kết quả thử nghiệm (Test results):

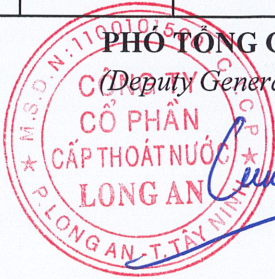
Stt No	Tên chỉ tiêu Characteritic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)		7.2	6.0~8.5	05/10/2026
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	<LOQ = 5	15	05/10/2026
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	05/10/2026
4	Độ đục*	TCVN 12402-1:2020 (ISO 7027-1:2016)	NTU	<LOQ = 0.5	2	05/10/2026
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	0.64	2	07/10/2026
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.34	0.2~1.0	05/10/2026
7	Hàm lượng N-NH ₄ *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	05/10/2026
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	05/10/2026
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	05/10/2026
10	Arsenic	Colorimetric With Test Strips and Reagent - MQuant® 0.005-0.50 mg/L	mg/L	KPH	0.01	08/10/2026

TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC
(Head of Testing Department)

Nguyễn Thị Thùy Dung

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(Deputy General Director)



Lưu Văn Cần

Nhận xét:

Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- KPH: Không phát hiện.
- (*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.
- (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

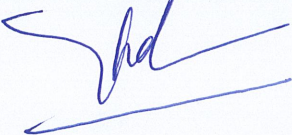
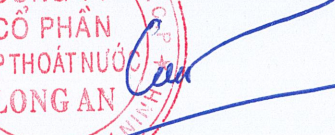
 TIẾP NỐI DÒNG CHẢY PHỐN VINH	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN <u>PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC</u>	Mã số: BM02-QT09
		Lần ban hành: 05
		Ngày hiệu lực: 01/8/2026
		Trang: 1/1

Số: 872 /KQTN-2026	Tây Ninh, ngày 15 tháng 10 năm 2026
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT	
- Tên mẫu thử (Name of sample):	Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại TCN Gò Đen Ấp 1 - xã Mỹ Yên - Tỉnh Tây Ninh
- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer):	Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức - Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh
- Mô tả mẫu (Description):	Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.
- Ngày nhận mẫu (Date of receiving):	05/10/2026
- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking/Sample submitter):	Nguyễn Ngọc Minh
- Số phiếu YC (Number of questionnaire):	321
	MSM: 261005.36



Kết quả thử nghiệm (Test results):

Stt No	Tên chỉ tiêu Characteritic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)		6.8	6.0~8.5	05/10/2026
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	<LOQ = 5	15	05/10/2026
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	05/10/2026
4	Độ đục*	TCVN 12402-1:2020 (ISO 7027-1:2016)	NTU	<LOQ = 0.5	2	05/10/2026
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	<LOQ = 0.5	2	07/10/2026
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.30	0.2~1.0	05/10/2026
7	Hàm lượng N-NH ₄ *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	05/10/2026
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	05/10/2026
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	05/10/2026
10	Arsenic	Colorimetric With Test Strips and Reagent - MQuant® 0.005-0.50 mg/L	mg/L	KPH	0.01	08/10/2026

TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC (Head of Testing Department)  Nguyễn Thị Thùy Dung	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (Deputy General Director)  Lưu Văn Cần
--	--

Nhận xét:
Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

Ghi chú:
1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
2. LOQ: Giới hạn định lượng.
3. KPH: Không phát hiện.
4. (*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.
5. (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

 TIẾP NỐI ĐONG CHÁY PHỐN VINH	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN <u>PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC</u>	Mã số: BM02-QT09
		Lần ban hành: 05
		Ngày hiệu lực: 01/8/2026
		Trang: 1/1

Số: 873 /KQTN-2026

Tây Ninh, ngày 15 tháng 10 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

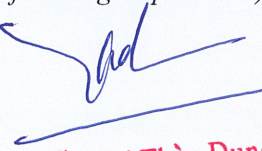
- Tên mẫu thử (Name of sample): Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại trạm xử lý nước sạch ấp Thanh Hiệp, Thanh Phú - xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh
- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer): Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức - Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh
- Mô tả mẫu (Description): Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.
- Ngày nhận mẫu (Date of receiving): 05/10/2026
- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking/Sample submitter): Nguyễn Ngọc Minh
- Số phiếu YC (Number of questionnaire): 321 MSM: 261005.37



Kết quả thử nghiệm (Test results):

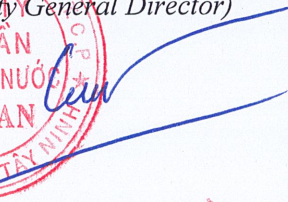
Stt No	Tên chỉ tiêu Characteritic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)		7.1	6.0~8.5	05/10/2026
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	<LOQ = 5	15	05/10/2026
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	05/10/2026
4	Độ đục*	TCVN 12402-1:2020 (ISO 7027-1:2016)	NTU	<LOQ = 0.5	2	05/10/2026
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	<LOQ = 0.5	2	07/10/2026
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.24	0.2~1.0	05/10/2026
7	Hàm lượng N-NH ₄ * ⁺	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	05/10/2026
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	05/10/2026
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	05/10/2026
10	Arsenic	Colorimetric With Test Strips and Reagent - MQuant® 0.005-0.50 mg/L	mg/L	KPH	0.01	08/10/2026

TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC
(Head of Testing Department)


Nguyễn Thị Thùy Dung

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Deputy General Director)




Lưu Văn Căn

Nhận xét:

Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- KPH: Không phát hiện.
- (*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.
- (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



TIẾP NỐI DÒNG CHẢY PHỐN VINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC

Mã số: BM02-QT09

Lần ban hành: 05

Ngày hiệu lực: 01/8/2026

Trang: 1/1

Số: 874 /KQTN-2026

Tây Ninh, ngày 15 tháng 10 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử (Name of sample):

Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại TCN Phước Tỉnh, ấp Phước Tỉnh, xã Mỹ Yên - Tỉnh Tây Ninh
- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer):

Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức - Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh
- Mô tả mẫu (Description):

Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.
- Ngày nhận mẫu (Date of receiving):

05/10/2026
- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking/Sample submitter):

Nguyễn Ngọc Minh
- Số phiếu YC (Number of questionnaire):

321

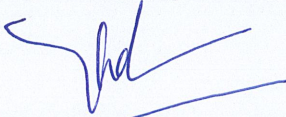
MSM: 261005.38

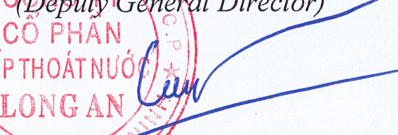


Kết quả thử nghiệm (Test results):

Stt No	Tên chỉ tiêu Characteritic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)		6.8	6.0~8.5	05/10/2026
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	<LOQ = 5	15	05/10/2026
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	05/10/2026
4	Độ đục*	TCVN 12402-1:2020 (ISO 7027-1:2016)	NTU	<LOQ = 0.5	2	05/10/2026
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	<LOQ = 0.5	2	07/10/2026
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.24	0.2~1.0	05/10/2026
7	Hàm lượng N-NH ₄ * ¹	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	05/10/2026
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	05/10/2026
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	05/10/2026
10	Arsenic	Colorimetric With Test Strips and Reagent - MQuant [®] 0.005-0.50 mg/L	mg/L	KPH	0.01	08/10/2026

TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC
(Head of Testing Department)


Nguyễn Thị Thùy Dung

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Deputy General Director)

Lưu Văn Cận

Nhận xét:

Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- KPH: Không phát hiện.
- (*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.
- (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.